

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v“Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Việt Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V1 có mặt; bà H vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đường Thị Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Công Đ trình bày:

Năm 2019 - 2020, ông Đ có tham gia 02 dây hụi vụ do bà Phạm Thị H làm đầu thảo, hụi đang hoạt động bình thường thì bà H tự ý ngưng khai hụi nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 liên đới trả lại tiền hụi đã đóng, cụ thể:

Dây hụi vụ 5.000.000 đồng, 01 năm khui 02 lần, bắt đầu khui vụ đông xuân 2019, gồm 15 phần. Tên trong danh sách hụi bà H ghi là Cậu Định S. Dây hụi này ông Đ nhờ mẹ ruột là bà Đường Thị Ngọc T đóng hụi dùm đóng hụi được 10 lần với số tiền 25.000.000đồng (theo sổ của bà T). Tuy nhiên, việc ghi chép của bà T do tự theo dõi không có xác nhận bà H, trong khi dây này ông Đ chơi chung với với bà L và bản án số 20/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử việc bà L tranh chấp dây hụi này với bà H, ông V1 đã có hiệu lực nên ông Đ thống nhất theo bà L trình bày số tiền đã đóng của dây hụi này là 24.550.000đồng. Cụ thể: Lần 1 đóng vào đông xuân 2019 số tiền 2.900.000đồng; Lần 2 đóng vào hè thu 2019 số tiền 2.450.000đồng; Lần 3 đóng vào đông xuân 2020 số tiền 2.700.000đồng; Lần 4 đóng vào hè thu 2020 với số tiền 2.100.000đồng; Lần 5 đóng vào đông xuân 2021 với số tiền 2.500.000đồng; Lần 6 đóng vào hè thu 2021 với số tiền 2.600.000đồng; Lần 7 đóng vào đông xuân 2022 với số tiền 2.100.000đồng; Lần 8 đóng vào hè thu 2022 với số tiền 1.850.000đồng; Lần 9 đóng vào đông xuân 2023 với số tiền 2.600.000đồng; Lần 10 đóng vào hè thu 2023 với số tiền 2.750.000đồng. Dây hụi này bà T cũng có tham gia 01 phần.

Đối với dây hụi thứ 2: Dây hụi vụ 10.000.000 đồng khui vụ hè thu năm 2020 có 12 phần, ông Đ tham gia 01 phần và mẹ ông là bà T tham gia 01 phần nhưng danh sách hụi và sổ hụi bà H chỉ ghi 01 phần tên Bà 6 Sắc (là bà T), không ghi tên ông Đ nên ông rút yêu cầu đối với D hụi vụ 10.000.000 đồng này với số tiền đã đóng 07 lần là 42.550.000đồng.

Ông Đ yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hụi bà đã đóng là số tiền 24.550.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông V1 với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V1 biết bà H có mở nhiều dây hụi có nhiều người tham gia, bà H có sổ hụi theo dõi các dây hụi và ông V1 đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hụi viên khởi kiện. Trước yêu cầu của ông Đ, ông V1 xác nhận ông Đ có tham gia 02 dây hụi vụ 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng như ông Đ trình bày, ông có thấy ông Đ và bà T mỗi người tham gia 01 phần nhưng danh sách hụi và sổ hụi không ghi đủ tên 02 người. Nay ông V1 đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho ông Đ số tiền hụi đã đóng số tiền 24.550.000đồng (dây hụi 5.000.000 đồng). Việc ông Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi 10.000.000 đồng với số tiền hụi đã đóng 42.550.000đồng là quyền tự định đoạt của ông Đ.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu theo đơn khởi kiện của ông Đ.

Bà Đường Thị Ngọc T trình bày: Bà T có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm đầu thảo. Bà T xác nhận ông Đ (con ruột của bà T) có nhờ bà chơi 02 dây hụi vụ như ông Đ trình bày. Bản thân bà cũng có tham gia mỗi dây 01 phần, khi đóng hụi thì bà thường đóng dùm ông Đ. Do bà H không phát danh sách hụi nên bà không biết. Sau này bà mới biết trong sổ hụi và danh sách hụi bà H chỉ ghi mỗi dây 01 phần hụi. Dây hụi 5.000.000 đồng bà H ghi tên Cậu Định S, còn dây hụi 10.000.000 đồng bà H ghi Bà 6 Sắc. Do bà và ông Đ cùng khởi kiện nên dây hụi nào tên ông Đ thì ông Đ kiện, dây hụi nào ghi tên bà thì bà kiện, mỗi người sẽ rút

yêu cầu đối với phần hụi không có tên mình. Phần rút yêu cầu bà và ông Đ sẽ khởi kiện sau khi có đủ chứng cứ.

Bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà L có tham gia dây hụi vụ 5.000.000 đồng khai vụ đông xuân 2019 do bà Phạm Thị H làm đầu thảo cùng với ông Đ, bà L đã đóng tiền hụi là 24.550.000đồng nên việc ông Đ khởi kiện ông V1, bà H yêu cầu trả lại tiền hụi đã đóng là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2024, ông Nguyễn Công Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi ông đã đóng cho 02 dây hụi là 67.500.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông rút yêu cầu đối với D hụi vụ 10.000.000đồng, với số tiền 42.550.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu bị rút. Ông Nguyễn Công Đ chỉ yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 24.550.000đồng của dây hụi vụ 5.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H liên đới trả tổng số tiền của dây hụi vụ 5.000.000 đồng đã đóng là 24.550.000 đồng, thấy rằng: Ông Đ chứng minh được ông có tham gia dây hụi vụ 5.000.000đồng, bắt đầu khai vụ đông xuân 2019, gồm 15 phần, tôi chơi 1 phần do bà H làm đầu thảo. Tên trong danh sách hụi bà H ghi là Cựu Định S. Ông Đ đưa tiền nhờ mẹ là bà T đóng hụi được 10 lần với số tiền 24.550.000đồng (bà T ghi sổ là 25.000.000 đồng). Tuy bà T có ghi sổ theo dõi từng lần đóng hụi nhưng việc ghi chép của mẹ ông do tự theo dõi không có xác nhận bà H, trong khi dây này ông Đ chơi chung với với bà L và bản án số 20/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết tranh chấp giữa bà L với ông V1, bà H đối với dây hụi này đã có hiệu lực nên ông Đ thống nhất các lần đóng hụi theo bà L với tổng số tiền đã đóng là 24.550.000đồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hụi do bà Phạm Thị H làm thảo hụi không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hụi, đóng hụi cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hụi và thông báo đến các hụi viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hụi, số tiền cần đóng, các hụi viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hụi với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đối chiếu sổ hụi đối với dây hụi vụ 5.000.000đ do bà H lập và bản án số 20/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án

nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã có hiệu lực nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hui thì giữa ông V1 và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hui ông V1 có biết và ông cũng biết ông Đ có tham gia hui do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của nguyên đơn, ông V1 đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1 trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phường đề nghị: Đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn rút và Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hui”. Bị đơn Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Công Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hui ông đã đóng cho 02 dây hui là 67.500.000đồng. Không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hui vụ 10.000.000đồng với số tiền đã đóng là 42.550.000đồng, do trong sổ hui và danh sách hui bà H không ghi tên ông Đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ đình chỉ giải quyết đối với dây hui này.

[3.2] Đối với dây hui 5.000.000 đồng, trước đây ông Đ yêu cầu ông V1 và bà H liên đới trả 25.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu ông V1 và bà H liên đới trả 24.550.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi nằm trong phạm vi đơn khởi kiện và là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Ông Nguyễn Công Đ cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách hui, bảng kê số tiền hui đã đóng, phù

hợp với sổ hụi của bà H, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V1. Theo đó thể hiện số tiền hụi ông Nguyễn Công Đ đã đóng cho bà Phạm Thị H là 24.550.000 đồng.

[3.4] Xét thấy, việc tổ chức chơi hụi chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia hụi, giao tiền đóng hụi không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền hụi nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khui hụi nên hụi viên yêu cầu trả lại tiền hụi đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.5] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hụi thì ông V1 đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hụi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.6] Về tiền lãi: Do ông Đ không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 217, 218, 244, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Công Đ về việc tranh chấp với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 dây hụi vụ 10.000.000 đồng khui vụ hè thu năm 2020 có 12 phần với số tiền đã đóng 42.550.000đồng. Ông Nguyễn Công Đ được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút đơn theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp về hui với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 đối với dây hui vụ 5.000.000đồng.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Công Đ số tiền 24.550.000đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 phải liên đới chịu 1.228.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công Đ 1.678.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002442 ngày 17/01/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh